

Bản án số: 144/2024/KDTM-ST

Ngày 20/12/2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp
đồng bảo lãnh;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Hách

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Anh Tuấn

Ông Lê Bá Lung

Thư ký phiên tòa: Ông Đào Xuân Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hà Thanh – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 93/2023/TLSTKDTM ngày 13 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 374/2024/QĐXXST- KDTM ngày 04 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 363/2024/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (S1);

Địa chỉ trụ sở: Số G phố T, quận H, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Quang H – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Khắc N, ông Hà Đức C, ông Vương Đình H1, ông Nguyễn Đăng T và bà Chu Thị T1 – Chuyên viên tố tụng xử lý nợ (theo Giấy Ủy quyền số 572/UQ-SHB, ngày 30/09/2024).

- Bị đơn: Công ty Quốc tế H;

Địa chỉ trụ sở: Số B, ngõ B đường N, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị H2 – Chức vụ: Tổng giám đốc. Địa chỉ: Số B, ngõ B, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Đỗ Hữu P**, sinh năm: 1970 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1974. Nơi ĐKKHKT: Xóm A, thôn H (cụm 3 cũ), xã H, huyện P, Thành phố Hà Nội.

2. Anh **Đỗ Hữu H3**, sinh năm 2002

Trú tại: Xóm A, thôn H, (cụm 3 cũ), xã H, huyện P, Thành phố Hà Nội.

3. Chị **Đỗ Thị Hồng M**, sinh năm 1999 và cháu Nguyễn Minh K, sinh năm 2018

(cháu K do chị M đại diện)

Cùng trú tại: Xóm A, thôn H (cụm 3 cũ), xã H, huyện P, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S trình bày:***

Theo đề nghị vay vốn của Công ty Quốc tế H (Sau đây gọi tắt là Công ty H), Ngân hàng TMCP N2 (nay là Ngân hàng TMCP S, sau đây gọi tắt là S1) đã cho Công ty H vay vốn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1103THNC050/HĐTD – HM/2011 ký ngày 15/4/2011, phụ lục 1. Số tiền vay: 2.000.000.000 đồng (bằng chữ: Hai tỷ đồng). Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng và clinker; Thời hạn vay: 12 tháng. Trả nợ gốc và lãi: trả tiền nợ gốc theo lịch trả nợ quy định tại lịch biểu, trả tiền lãi vào ngày 23 hàng tháng tính theo dư nợ trên thực tế. Lãi suất cho vay trong hạn: áp dụng đối với tiền vay được tính bằng lãi suất cơ sở của Ngân hàng C1 (+) biên độ cho vay bằng VNĐ hoặc ngoại tệ tương ứng của tiền vay do Ngân hàng công bố tại thời điểm tương ứng. Lãi suất được điều chỉnh 1 tháng/lần kể từ ngày giải ngân của khoản vay. Lãi suất cho vay trong hạn là 22%/năm, lãi suất cơ sở là 18,5%/năm, biên độ cho vay là 3,5%/năm.

Theo đề nghị cấp bảo lãnh của Công ty H, Ngân hàng TMCP N2 (Nay là Ngân hàng TMCP S) đã thực hiện cấp bảo lãnh cho Công ty H theo Hợp đồng cấp bảo lãnh số BL11VN-THNC046/HĐCBL-HBB ngày 27/6/2011. Loại hình bảo lãnh: Bảo lãnh thanh toán. Bên nhận bảo lãnh: Công ty Cổ phần X -VVMi. Nghĩa vụ được bảo lãnh/số tiền bảo lãnh: 700.000.000 đồng. Thời hạn bảo lãnh: 6 tháng kể từ ngày phát hành thư bảo lãnh. Mục đích bảo lãnh: Bảo lãnh thanh toán Hợp đồng số 149/2011CTQ-TT ký ngày 12/5/2011 giữa Công ty H và Công ty Cổ phần X -VVMi.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tại ngân hàng TMCP S có tài sản bảo đảm là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 24, tờ bản đồ số 01, diện tích 160m² đất ở, địa chỉ: cụm C, H, xã H, huyện P, tỉnh Hà Tây (Nay là Thành phố Hà

Nội), thời hạn sử dụng: lâu dài, mục đích sử dụng: đất ở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S640465, số vào sổ 00226/QSDĐ/174/QĐ.H do Ủy ban Nhân dân huyện P, tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội) cấp ngày 09/05/2002 cho hộ ông Đỗ Hữu P. Ngày 14/11/2011, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H xác nhận thay đổi tên người sử dụng đất thành ông Đỗ Hữu P theo đơn yêu cầu đã được UBND xã H xác nhận ngày 19/11/2011. Tài sản bảo đảm nêu trên đã được ông Đỗ Hữu P và bà Nguyễn Thị T2 thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 007306/2012/HĐTC, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/8/2012 và được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 22/8/2012.

Thực hiện đúng Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1103THNC050/HĐTD HIM/2011 ký ngày 15/4/2011, ngân hàng TMCP S đã giải ngân 2.000.000.000 đồng (bằng chữ: Hai tỷ đồng) cho Công ty H theo đúng yêu cầu của Công ty H, cụ thể:

Ngày 18/4/2011, theo Giấy nhận nợ vay số 01, S1 đã giải ngân 2.000.000.000 đồng cho Công ty H và Công ty H đã thanh toán xong.

Ngày 13/9/2011, theo Giấy nhận nợ vay số 02, S1 đã giải ngân 2.000.000.000 đồng cho Công ty H nhưng Công ty H chưa thanh toán xong.

Đối với việc thực hiện Hợp đồng cấp bảo lãnh số BL11VN-THNC046/HĐCBLHBB ngày 27/6/2011: Công ty H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần X -VVMi nên Công ty Cổ phần X đã khởi kiện Ngân hàng S1 yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ngày 24/11/2014, tại Bản án số 87/2014/KDTM-PT, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã tuyên: S1 phải trả cho Công ty Cổ phần X -VVMi số tiền bảo lãnh là 575.179.880 đồng thay cho Công ty H. S1 đã thực hiện thủ tục phát vay bắt buộc đối với Công ty H số tiền là 575.179.880 đồng phát sinh từ việc S1 chi trả tiền bảo lãnh cho Công ty Cổ phần X -VVMi. Theo khế ước nhận nợ bắt buộc, Công ty H nhận nợ 575.179.880 đồng, mục đích để S1 thực hiện bảo lãnh cho Công ty H, thời hạn vay là 3 tháng, Lãi suất vay là 17%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150%/năm, Lãi trả hàng tháng, gốc trả cuối kỳ.

Ngày 05/01/2015, Ngân hàng S1 đã chuyển 575.179.880 đồng cho Công ty Cổ phần X -VVMi theo phán quyết của Tòa án để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty H.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty H đã thanh toán cho ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 2.106.552.554 đồng, trong đó nợ gốc: 1.493.361.354 đồng và nợ lãi: 613.191.200 đồng. Thời điểm cuối cùng, Công ty H thanh toán là ngày 04/7/2013. Trong quá trình thực hiện các hợp đồng trên, Công ty H đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho SHB theo Hợp đồng trên. Ngân hàng S1 đã thiện chí, nhiều lần cử người làm việc với Công ty H để yêu cầu trả nợ. Tuy nhiên, Công ty H

không trả nợ, xâm phạm các quyền và lợi ích hợp pháp của S1. Khoản vay của Công ty H đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 13/01/2012.

Do Công ty H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông Đỗ Hữu P và bà Nguyễn Thị T2 không bàn giao tài sản bảo đảm cho S1 nên S1 thực hiện khởi kiện ra Tòa án Nhân dân có thẩm quyền để xử lý khoản nợ của Công ty H.

Tạm tính đến ngày 20/12/2024, Công ty H còn nợ S1 số tiền cụ thể như sau:

- Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1103THNC050/HĐTD – HM/2011 ngày 15/4/2011 và Giấy nhận nợ vay số 02 ngày 13/9/2011 Công ty H còn nợ: Nợ gốc: 506.638.646 đồng, Nợ lãi trong hạn: 0 đồng, Nợ lãi quá hạn: 2.479.514.717 đồng, Lãi phạt chậm trả lãi: 0 đồng. Tổng nợ gốc và lãi là: 2.986.153.363 đồng.

- Theo Hợp đồng cấp bảo lãnh số BL11VN-THNC046/HĐCBL-HBB ngày 27/6/2011 và Khế ước nhận nợ bắt buộc Công ty H còn nợ: Nợ gốc: 575.179.880 đồng, Nợ lãi trong hạn: 24.716.758 đồng, Nợ lãi quá hạn: 1.444.965.818 đồng, phạt chậm trả lãi: 62.672.102 đồng. Tổng nợ gốc và lãi là: 2.107.534.558 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi Công ty H còn nợ Ngân hàng TMCP S là: 5.093.687.921 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án nhân dân quận Đống Đa giải quyết những yêu cầu sau:

1. Buộc Công ty H phải trả Ngân hàng TMCP S số tiền tạm tính đến ngày 20/12/2024 tổng cộng nợ gốc và lãi là: 5.093.687.921 đồng (bằng chữ: Năm tỷ không trăm chín mươi ba triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm hai mươi một đồng); trong đó: theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1103THNC050/HĐTD – HM/2011 ngày 15/4/2011 và Giấy nhận nợ vay số 02 ngày 13/9/2011 Công ty H còn nợ: Nợ gốc: 506.638.646 đồng, Nợ lãi trong hạn: 0 đồng, Nợ lãi quá hạn: 2.479.514.717 đồng, Lãi phạt chậm trả lãi: 0 đồng. Tổng nợ gốc và lãi là: 2.986.153.363 đồng. Theo Hợp đồng cấp bảo lãnh số BL11VN-THNC046/HĐCBL-HBB ngày 27/6/2011 và Khế ước nhận nợ bắt buộc Công ty H còn nợ: Nợ gốc: 575.179.880 đồng, Nợ lãi trong hạn: 24.716.758 đồng, Nợ lãi quá hạn: 1.444.965.818 đồng, phạt chậm trả lãi: 62.672.102 đồng. Tổng nợ: 2.107.534.558 đồng. Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi, lãi phạt theo Hợp đồng tín dụng và theo quy định của pháp luật cho đến ngày Công ty H thanh toán toàn bộ khoản vay.

2. Trường hợp Công ty H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP S được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp cho khoản vay để thu hồi nợ cho ngân hàng, cụ thể là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 24, tờ bản đồ số 01, diện tích 160m² đất ở, địa chỉ: cụm C, H, xã H, huyện P, tỉnh Hà Tây (Nay là Thành phố Hà Nội), thời hạn sử dụng: lâu dài, mục đích sử dụng: đất ở

theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5640465, số vào sổ 00226/QSDD/174/QĐ.H do Ủy ban Nhân dân huyện P, tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội) cấp ngày 09/05/2002 cho hộ ông Đỗ Hữu P. Ngày 14/11/2011, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H xác nhận thay đổi tên người sử dụng đất thành ông Đỗ Hữu P theo đơn yêu cầu đã được UBND xã H xác nhận ngày 19/11/2011.

3. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị tòa án buộc Công ty Quốc tế H phải tiếp tục trả số nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP S.

Về án phí: Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài các nội dung trên Ngân hàng không yêu cầu Tòa giải quyết nội dung nào khác.

*** Bị đơn Công ty Quốc tế H** do bà Vũ Thị H2 là đại diện theo pháp luật đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng Công ty H không đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng giải quyết vụ án. Qua xác nhận tại Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư thành phố H thể hiện: Ngày 14/12/2017, Phòng đăng ký kinh doanh đã ra quyết định số 744421/17 về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty H cho đến thời điểm hiện tại chưa nhận được thủ tục giải thể của doanh nghiệp. Trụ sở chính của Công ty tại: Số B ngõ B đường N, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Do không thể tổng đạt được trực tiếp cho Công ty Quốc tế H nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án triệu tập Công ty Quốc tế H và bà Vũ Thị H2 đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Hữu P và bà Nguyễn Thị T2 tại bản tự khai ngày 04/01/2024 trình bày:** Ông và vợ là Nguyễn Thị T2 có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 15/08/2012 với bên Ngân hàng TMCP S để đảm bảo cho khoản vay của Công ty H việc ký hợp đồng thế chấp là do vợ chồng ông bà có nhu cầu vay tiền Công ty H 100.000.000 đồng nhưng thực tế sau đó gia đình ông bà không nhận được một số tiền nào từ Công ty H và nay ngân hàng khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Đống Đa. Vợ chồng ông bà đề nghị Tòa án xem xét vụ việc theo đúng quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của gia đình ông bà, gia đình ông bà hoàn cảnh rất khó khăn ốm đau bệnh tật kinh tế không có, chỉ có nhà đất đã thế chấp cho ngân hàng là tài sản và nơi sinh sống duy nhất của gia đình. Tại nhà đất thôn H, xã H, huyện P, Thành phố Hà Nội. Hiện nay có những người sau có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú vợ chồng tôi Đỗ Hữu P và Nguyễn Thị T2,

con trai của ông bà là Đỗ Hữu H3, sinh năm 2002. Nhà đất từ khi thế chấp cho ngân hàng đến nay không có sửa chữa cải tạo gì, vẫn giữ nguyên hiện trạng. Trên đất có ngôi nhà cấp 4, xây trên diện tích đất khoảng 80m² và nhà bếp, sân.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Hữu H3 và chị Đỗ Thị Hồng M:** Anh Đỗ Hữu H3 và chị Đỗ Thị Hồng M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng anh H3 và chị M không đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng giải quyết vụ án. Do vậy, việc cho anh H3 và chị M làm bản tự khai, tiến hành lấy lời khai đối chất giữa các đương sự cũng như việc tiến hành phiên họp giao nộp, tiếp cận, kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải không tiến hành được.

Do bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đến tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng nên tòa án căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa: Bị đơn Công ty Quốc tế H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Hữu P, bà Nguyễn Thị T2, anh Đỗ Hữu H3, chị Đỗ Thị Hồng M, cháu Nguyễn Minh K1 do chị M đại diện vắng mặt không có lý do.

Đại diện Ngân hàng TMCP S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty H phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 20/12/2024 là: 5.031.015.820 đồng. Trong đó nợ gốc là: 1.081.818.526 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 24.716.758 đồng; Lãi quá hạn: 3.924.480.536 đồng. Ngân hàng TMCP S xin rút toàn bộ phần lãi phạt chậm trả lãi đối với khoản vay với số tiền tạm tính đến ngày 20/12/2024 là: 62.672.102 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa nhận định, đánh giá tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh giữa Ngân hàng TMCP S với Công ty H, Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng TMCP S và ông Đỗ Hữu P, bà Nguyễn Thị T2 đã có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S buộc Công ty H có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 20/12/2024 là: 5.031.015.820 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 21/12/2024 cho đến khi thanh toán

hết nợ theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng và văn bản nhận nợ. Chấp nhận yêu cầu tuyên khi án có hiệu lực pháp luật Công ty H không thanh toán được khoản tiền nợ gốc, lãi nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu lãi phạt chậm trả lãi đối với khoản vay với số tiền tạm tính đến ngày 20/12/2024 là: 62.672.102 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[I]. Về thủ tục tố tụng:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Công ty H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Hữu P, bà Nguyễn Thị T2, anh Đỗ Hữu H3, chị Đỗ Thị Hồng M, cháu Nguyễn Minh K1 do chị M đại diện vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do các đương sự vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào mục đích vay vốn của Công ty H để phục vụ cho các phương án kinh doanh. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh trong lĩnh vực kinh doanh thương mại” theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Công ty H có trụ sở chính tại: số B, ngõ B đường N, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[II]. Về nội dung:

Xét Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1103THNC050/HĐTD – HM/2011 ngày 15/4/2011 và Hợp đồng cấp bảo lãnh số BL11VN-THNC046/HĐCBL-HBB ngày 27/06/2011 đáp ứng đủ điều kiện của chủ thể ký kết hợp đồng và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên là hợp đồng hợp pháp, có giá trị pháp lý. Ngân hàng TMCP N2 đã được sáp nhập vào ngân hàng TMCP S theo quyết định số 1559/QĐNHNN ngày 07/8/2012. Theo đó, ngân hàng TMCP S tiếp nhận toàn bộ các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của ngân hàng TMCP N2, bao gồm các khoản nợ của Công ty H.

[1]. Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty H phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc còn nợ của Hợp đồng tín dụng và hợp đồng cấp bảo lãnh là: 1.081.818.526 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi một triệu tám trăm mười tám nghìn năm trăm hai mươi sáu đồng). Trong đó, theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1103THNC050/HĐTD – HM/2011 ngày 15/4/2011 và Giấy nhận nợ vay số 02 ngày 13/9/2011 Công ty H còn nợ gốc: 506.638.646 đồng và theo Hợp đồng cấp bảo lãnh số BL11VN-THNC046/HĐCBLHBB ngày 27/6/2011 và Khế ước nhận nợ bắt buộc Công ty H còn nợ gốc: 575.179.880 đồng.

Hội đồng xét xử thấy: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Công ty H và Ngân hàng S1 có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1103THNC050/HĐTD – HM/2011 ngày 15/4/2011 và Hợp đồng cấp bảo lãnh số BL11VN-THNC046/HĐCBL-HBB ngày 27/06/2011. Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1103THNC050/HĐTD – HM/2011 ngân hàng S1 đã giải ngân cho Công ty H ngày 18/4/2011, theo Giấy nhận nợ vay số 01, S1 đã giải ngân 2.000.000.000 đồng cho Công ty H và Công ty H đã thanh toán xong. Ngày 12/9/2011, theo Giấy nhận nợ vay số 02, S1 đã giải ngân 2.000.000.000 đồng cho Công ty H. Số tiền vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức đã được ngân hàng giải ngân cho Công ty H đúng theo quy định của hợp đồng. Đối với việc thực hiện Hợp đồng cấp bảo lãnh số BL11VNTHNC046/HĐCBL-HBB ngày 27/6/2011: Công ty H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần X -VVMi nên Công ty Cổ phần X đã khởi kiện Ngân hàng S1 yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ngày 24/11/2014, tại Bản án số 87/2014/KDTM-PT, Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội đã tuyên: S1 phải trả cho Công ty Cổ phần X -VVMi số tiền bảo lãnh là 575.179.880 đồng thay cho Công ty H. S1 đã thực hiện thủ tục phát vay bắt buộc đối với Công ty H số tiền là 575.179.880 đồng phát sinh từ việc S1 chi trả tiền bảo lãnh cho Công ty Cổ phần X -VVMi. Theo khế ước nhận nợ bắt buộc, Công ty H nhận nợ 575.179.880 đồng, mục đích để S1 thực hiện bảo lãnh cho Công ty H. Ngày 5/1/2015, Ngân hàng S1 đã chuyển 575.179.880 đồng qua ủy nhiệm chi cho Công ty Cổ phần X -VVMi theo phán quyết của Tòa án để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty H. Quá trình thực hiện hợp đồng cho đến nay, Công ty H đã thanh toán số tiền nợ gốc 1.493.361.354 đồng cho Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1103THNC050/HĐTD – HM/2011 ngày 15/4/2011. Như vậy từ các tài liệu chứng cứ nêu trên có đủ căn cứ để xác định số tiền nợ gốc Công ty H còn nợ Ngân hàng S1 số tiền nợ gốc là 1.081.818.526 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi một triệu tám trăm mười tám nghìn năm trăm hai mươi sáu đồng). Vì vậy yêu cầu của Ngân hàng S1 đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty H phải thanh toán trả cho Ngân hàng S1 số tiền nợ gốc nêu trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn tạm tính đến hết ngày 20/12/2024 là: 3.949.197.294 đồng (Ba tỷ chín trăm bốn mươi chín triệu một trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm chín mươi tư đồng), trong đó: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1103THNC050/HĐTD – HM/2011 ngày 15/4/2011 và Giấy nhận nợ vay số 02 ngày 13/9/2011 Công ty H còn nợ lãi quá hạn: 2.479.514.717 đồng và theo Hợp đồng cấp bảo lãnh số BL11VN-THNC046/HĐCBL-HBB ngày 27/6/2011 và Khế ước nhận nợ bắt buộc Công ty H còn nợ lãi trong hạn: 24.716.758 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.444.965.818 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại Phụ lục 1 các điều khoản cụ thể của Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2011 hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn là 22%/năm, lãi suất cơ sở là 18,5%/năm, biên độ cho vay là 3,5%/năm. Tại Điều 8 của Hợp đồng tín dụng hạn mức quy định áp dụng lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại Giấy nhận nợ vay số 02 ngày 13/9/2011 thỏa thuận lãi suất trong hạn: 22%/năm, điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần kể từ ngày giải ngân của khoản vay, thời hạn vay 04 tháng. Tại Khế ước nhận nợ bắt buộc để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Hợp đồng cấp bảo lãnh số BL11VN-THNC046/HĐCBL-HBB ngày 27/6/2011 quy định thời hạn vay là 3 tháng, Lãi suất vay là 17%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150%/năm, Lãi trả hàng tháng, gốc trả cuối kỳ. Như vậy, căn cứ vào sự thỏa thuận của các đương sự về lãi suất trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng tín dụng cụ thể, thông báo lãi suất cũng như giải trình cách tính lãi suất, bảng tính lãi lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn do ngân hàng xuất trình. Hội đồng xét xử thấy: lãi suất Ngân hàng S1 áp dụng đối với các khoản vay của Công ty H phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “*Lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với các quy định của pháp luật*”, tại khoản 2 Điều 11, Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định số 1627/QĐ-NHNN quy định: “*Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận đối với khách hàng trong Hợp đồng tín dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng*” và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên được chấp nhận và buộc Công ty H phải thanh toán trả cho Ngân hàng S1 toàn bộ số tiền lãi trong hạn và lãi phạt quá hạn tạm tính đến ngày 20/12/2024 là: 3.949.197.294 đồng (Ba tỷ chín trăm bốn mươi chín triệu một trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm chín mươi tư đồng).

Công ty H còn phải trả lãi, lãi phạt phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán tính từ thời điểm ngày 21/12/2024 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng.

[3]. Xét yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên khi bản án có hiệu lực pháp luật Công ty H không tự nguyện thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP S có quyền đề nghị cơ quan thi hành án thực hiện các thủ tục cần thiết để phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty H tại Ngân hàng TMCP S để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 007306/2012/HĐTC, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 15/8/2012 tại Văn phòng C2 – thành phố Hà Nội giữa Ngân hàng TMCP S và bên thế chấp là ông Đỗ Hữu P, bà Nguyễn Thị T2 là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Về chủ thể ký kết hợp đồng, bà Lê Thúy L1 là phó phòng hành chính tín dụng của Ngân hàng TMCP S đã ký kết hợp đồng thế chấp với ông Đỗ Hữu P, bà Nguyễn Thị T2 là bên chủ tài sản thế chấp tài sản đúng theo quy định của pháp luật. Ông P, bà T2 cho rằng ông bà có nhu cầu vay tiền Công ty H 100.000.000 đồng nhưng thực tế sau đó gia đình ông bà không nhận được một số tiền nào từ Công ty H nhưng không giao nộp được tài liệu chứng cứ nên hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Việc thế chấp tài sản trên đã được đăng ký bảo đảm theo Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất ngày 20/8/2012 theo đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết theo đúng quy định tại Điều 342, 343 Bộ luật dân sự năm 2005. Tại Điều 1 của Hợp đồng thế chấp hai bên thỏa thuận: *Bên thế chấp đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất của mình để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty H bao gồm nợ gốc, lãi, lãi quá hạn, các khoản phí, lệ phí, phạt, chi phí khác, tiền bồi thường thiệt hại, các nghĩa vụ khác tại hợp đồng tín dụng và hợp cấp bảo lãnh sau đây: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1103THNC050/HĐTD – HM/2011 ngày 15/4/2011 với giá trị cho vay là: 2.000.000.000 đồng và Hợp đồng cấp bảo lãnh số BL11VN-THNC046/HĐCBL-HBB ngày 27/06/2011 với giá trị bảo lãnh là: 700.000.000 đồng...* Tại Điều 2 của hợp đồng quy định: *Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 24, tờ bản đồ số 01, diện tích 160m² đất ở, địa chỉ: cụm C, H, xã H, huyện P, tỉnh Hà Tây (Nay là Thành phố Hà Nội), thời hạn sử dụng: lâu dài, mục đích sử dụng: đất ở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S640465, số vào sổ 00226/QSĐĐ/174/QĐ.H do Ủy ban Nhân dân huyện P, tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội) cấp ngày 09/05/2002 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số S 640465, số vào sổ cấp GCN 00226/QSĐĐ/174/QĐ.H do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội) cấp ngày 09/05/2002 cho hộ ông Đỗ Hữu P.* Tại điểm b khoản 1 Điều 2 quy định toàn bộ vật phụ, cây trồng, trang thiết bị kèm theo, phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với tài sản thế chấp ... cũng đều thuộc tài sản thế chấp.

Tại biên bản thẩm định tài sản thế chấp ngày 28/03/2024, qua xem xét thẩm định tại chỗ thửa số 24, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: cụm C, H, xã H, huyện P, tỉnh Hà Tây (Nay

là Thành phố Hà Nội) nay là xóm A, thôn H, xã H, huyện P, thành phố Hà Nội trên thửa đất có ngôi nhà cấp 4, nhà bếp và sân xung quanh, thửa đất có tường bao phân định với các thửa đất bên cạnh. Bà T2 cho biết nhà đất vẫn giữ nguyên hiện trạng như khi đưa sổ đỏ cho ngân hàng.

Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án tuyên khi án có hiệu lực pháp luật Công ty H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để đảm bảo thi hành án là có căn cứ nên được chấp nhận phù hợp với quy định tại Điều 19 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

[4]. Ngân hàng TMCP S xin rút yêu cầu lãi phạt chậm trả lãi đối với khoản vay với số tiền tạm tính đến ngày 20/12/2024 là: 62.672.102 đồng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên.

[5]. Về án phí: Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí đối với các yêu cầu được chấp nhận. Công ty H chịu án phí đối với các yêu cầu mà bên Ngân hàng TMCP S được chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 342, 351, 352, 353, 355, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 90, 91; Điều 95, Điều 98 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi bổ sung năm 2017);

Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31.12.2001 của Thống đốc Ngân hàng N3 về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng vay.

Căn cứ Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với Công ty H.

Xác nhận Công ty H còn nợ Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 20/12/2024 là: 5.031.015.820 đồng (Năm tỷ không trăm ba mươi một triệu không trăm mười lăm nghìn tám trăm hai mươi đồng). Trong đó: theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1103THNC050/HĐTD – HM/2011 ngày 15/4/2011 và Giấy nhận nợ vay số 02 ngày 13/9/2011 Công ty H còn nợ: nợ gốc: 506.638.646 đồng, nợ lãi quá hạn: 2.479.514.717 đồng và theo Hợp đồng cấp bảo lãnh số BL11VNTHNC046/HĐCBL-HBB ngày 27/6/2011 và Khế ước nhận nợ bắt buộc Công ty H còn nợ: nợ gốc: 575.179.880 đồng, nợ lãi trong hạn: 24.716.758 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.444.965.818 đồng.

Buộc Công ty H phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số nợ gốc và lãi là: 5.031.015.820 đồng (Năm tỷ không trăm ba mươi một triệu không trăm mười lăm nghìn tám trăm hai mươi đồng).

[2]. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử Công ty H còn tiếp tục phải chịu lãi, lãi phạt phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1103THNC050/HĐTD – HM/2011 ngày 15/4/2011 và Giấy nhận nợ vay số 02 ngày 13/9/2011, Hợp đồng cấp bảo lãnh số BL11VN-THNC046/HĐCBL-HBB ngày 27/6/2011 và Khế ước nhận nợ bắt buộc cho đến khi thi hành xong khoản nợ. Trường hợp Hợp đồng tín dụng có thỏa thuận tăng giảm theo biên độ thì lãi suất cũng được thay đổi theo biên độ thỏa thuận tại hợp đồng.

[3]. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật Công ty H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền gốc và lãi nói trên cho Ngân hàng TMCP S thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm, để thu hồi nợ:

Tài sản bảo đảm của Ngân hàng TMCP S là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 24, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: cụm C, H, xã H, huyện P, tỉnh Hà Tây (Nay là xóm A, thôn H, xã H, huyện P, thành phố Hà Nội), thời hạn sử dụng: lâu dài, mục đích sử dụng: đất ở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5640465, số vào sổ 00226/QSDĐ/174/QĐ.H do Ủy ban Nhân dân huyện P, tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội) cấp ngày 09/05/2002 cho hộ ông Đỗ Hữu P. Ngày 14/11/2011, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H xác nhận thay đổi tên người sử dụng đất thành ông Đỗ Hữu P theo đơn yêu cầu đã được UBND xã H xác nhận ngày 19/11/2011. Để đảm bảo cho

việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 1 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 007306/2012/HĐTC, quyền số 01TP/CCSCC/HĐGD ký ngày 15/8/2012 tại Văn phòng C2 – thành phố Hà Nội (Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/03/2024 trên thửa đất có ngôi nhà cấp 4, nhà bếp và sân xung quanh, thửa đất có tường bao phân định với các thửa đất bên cạnh).

Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì tất cả những người đang sinh sống trên đất hoặc những người đang có tên trong sổ hộ khẩu thường trú trên tài sản thế chấp đều phải có nghĩa vụ chấp hành việc thi hành án.

Nếu số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP S

[4]. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ngân hàng TMCP S yêu cầu lãi phạt chậm trả lãi đối với khoản vay với số tiền tạm tính đến ngày 20/12/2024 là: 62.672.102 đồng.

[5]. Về án phí: Ngân hàng TMCP S được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP S số tiền 56.403.000 đồng (Năm mươi sáu triệu bốn trăm linh ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002770 ngày 12/10/2023 của Chi cục thi hành án quận Đống Đa.

Công ty H phải chịu 113.031.016 đồng (Một trăm mười ba triệu không trăm ba mươi một nghìn không trăm mười sáu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm (chưa nộp).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện của Nguyên đơn. Vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Hữu P, bà Nguyễn Thị T2, anh Đỗ Hữu H3 và chị Đỗ Thị Hồng M. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Hữu P, bà Nguyễn Thị T2, anh Đỗ Hữu H3 và chị Đỗ Thị Hồng M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND quận Đống Đa;
- Cơ quan THA quận Đ; - TAND thành phố Hà Nội; - Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Công Hách